

TÍNH CHẤT PHỨC HỢP CỦA CHỈNH THỂ VĂN BẢN

CHUYỆN TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT

Nguyễn Hữu Nghĩa

Trưởng DHSP TP.HCM;

mr.minhphong6@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/01/2016; Ngày duyệt đăng: 24/4/2016

TÓM TẮT

Khác với hầu hết các tuyển tập truyện kể dân gian, Jataka có mô hình của truyện kể trong bối cảnh diễn xướng. Tác phẩm vĩ đại này được kiến tạo chặt chẽ thông qua việc kết tập, tái cấu trúc và chuyển hóa hàng trăm truyện kể trên thế giới. Bài viết này phân tích tính phức hợp của chỉnh thể văn bản Chuyện tiền thân đức Phật về chủ đề đạo đức, hệ thống nhân vật và hình thức lập luận logic. Qua đó cũng thấy được phần nào đặc điểm và vai trò của truyện kể dân gian trong bối cảnh.

Từ khóa: Jataka (Chuyện tiền thân đức Phật), bối cảnh diễn xướng, tính phức hợp, chủ đề đạo đức, hệ thống nhân vật, hình thức lập luận logic.

ABSTRACT

The integrative complexity of Jataka Stories

Unlike most of the collections of popular folk tales, Jataka has a model of tales in performing contexts. This great work was coherently and cohesively constructed by gathering, restructuring and transforming hundreds of tales in the world. This paper offers an analysis of the integrative complexity of Jataka Tales in terms of ethics, character system and logical argumentative presentation. Hereby, the paper provides a partial view of the features and roles of folktales in context.

Keywords: Jataka, performing contexts, complexity, ethical theme, character system, logical argumentative presentation.

Tham vọng mô tả và phân tích những biểu hiện phức hợp của một hệ thống nào đấy, cơ hồ là một nghịch lý. Bởi lẽ, tư duy phức hợp quan sát đối tượng trong những sự vận động, các mối tương liên, sự phối thuộc và quá trình chuyển hóa vi tế của các yếu tố cấu thành sự vật, hiện tượng. Những liên hệ này sản sinh các hiệu ứng mang tính tổng hợp, vượt ra ngoài và lên trên mọi thuộc tính riêng lẻ, đơn nhất [2, tr.131-137].

Được kiến tạo chặt chẽ từ hình thức tự sự đến nội dung giáo lý thông qua việc kết tập và tái cấu trúc một khối lượng đồ sộ các truyện kể từ nhiều nguồn khác nhau, *Chuyện tiền thân đức Phật (Jataka)* là một chỉnh thể phức hợp có sự liên đới giữa các hình thái ý thức: văn hóa, tôn giáo và văn học, giữa các địa hạt: văn bản ngôn từ nghệ thuật và diễn ngôn giao tiếp. Tính chất này được thể hiện trên nhiều phương diện. Trong phạm vi một phân tích văn bản tác phẩm nghệ thuật, có thể phác họa một cách tương đối qua ba mạng lưới: chủ đề, nhân vật và lập luận lô-gích.

1. Mạng lưới chủ đề: khả năng chốt chặn mọi phương diện đời sống thế tục và đạo đức Phật giáo

Jataka triển khai nhiều chủ đề của đời sống, đặc biệt là ở khía cạnh đạo đức xoay quanh trục phạm trù Thiện-Ác. Răn ác, khuyến thiện là đề tài muôn thuở của di sản văn chương nhân loại. Tuy nhiên, hiếm có một tác phẩm nào được kiến tạo giống như *Bốn sinh kinh*: những bài học đạo lý của loài người dưới hình thức những câu chuyện truyền khẩu được kết tập lại trên một diện rộng và kết nối bằng một cấu trúc bề sâu để kết tinh và chuyển hóa thành những giá trị mới.

Tập hợp một bộ phận lớn những kiểu mẫu truyện kể dân gian, về cơ bản kinh *Bốn sinh* là những bài học thế tục. Do vậy, dù là những truyện kể trên khắp thế gian hay từ đất nước Ấn Độ xa xôi, thông điệp mà chúng mang đến cho chúng ta vẫn có thể tra khớp vào những bài học cửa miệng của tổ tiên người Việt truyền lại từ bao đời nay như: “Ở hiền gặp lành” (các tiền thân: Alinacitta (156), Guna (157), Supatta (292), Suvannamiga (359), Mahākapi (407),...), “Gieo gió gặt bão” (các tiền thân: Tayodhammā (58), Khantivādi (313), Dhonasākha (353), Suvannakakkata (389), Lomasa Kassapa (433),...), “Tham thi thâm” (các tiền thân: Serivānija (3),

Vátamiga (14), Kopata (42), Kùtavànija (98), Anusàsika (115), Suvannahamsa (136), Bharu (213), Sabbadàtha (241), Suka (255), Mandahàta (258), Macch-Uddàna (288),..., “Cứu vật vật trả ơn, cứu nhơn nhơn trả oán” (các tiền thân: Sac-cankira (73), Ruru (482),...), “Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết” (các tiền thân: Sammodamàna (33), Rukkadhamma (74), Kurungamiga (206), Latukikà (357), Vannàroha (361),...), “Kẻ cấp gặp bà già” (các tiền thân: Baka (38), Suvannakakata (389),...), “Giàu vì bạn sang vì vợ” (các tiền thân: Mahà-Ukkusa (486), Sambulà (519) [1] .v.v..

Ở tầng kinh nghiệm phổ thông, dù chỉ mang tính quy ước về phạm vi ngôn bản và mục đích giao tiếp, mỗi truyện kể trong Bốn sinh kinh là một trải nghiệm thực tế của đức Phật mà Ngài muốn chia sẻ với các môn đệ và người đời trong những hoàn cảnh thích hợp và cần thiết. Về phương diện này, có thể xem Chuyện tiền thân đức Phật là “túi khôn của bậc đại hiền trí” mà thực chất là “kho tri thức dân gian”, một kho lưu trữ chân lý cuộc sống: từ sự vận động và chuyển hóa của các yếu tố thuộc về thể chất đến các chuyển biến suy nghĩ, tình cảm; từ các quy luật vận hành của tự nhiên đến các quy ước xã hội; từ các mối quan hệ bên trong bản thân mỗi cá thể đến các giềng mối gia đình và các quan hệ cộng đồng; từ những sinh hoạt, ứng xử thường nhật của người đời đến các phương thức tu tập của hội chúng Phật giáo, .v.v.. Trong phạm vi bản ngã, truyện kể Jataka phác họa sự vận động bên trong mỗi cá thể sống như: cuộc đấu tranh với sự hủy diệt của vạn vật – một quy luật nghiệt ngã của tự nhiên: sinh, già, bệnh, chết (các tiền thân: Uraga (354), Mahà Dhamma-Pà-la (447), Kàma (467), Javana-Hamsa (476),...), cuộc đấu tranh với những ham muốn về vật chất, ái dục, quyền lực (các tiền thân: Thusa (338), Parantapa (416), Indriya (423), Citta-Sambhùta (498), Campeyya (506), Hatthipàla (509), Kumbha (512),...) .v.v.. Trên bình diện tương quan giữa cá nhân với quy luật vũ trụ, tập kinh đề cập đến xu hướng vận động của vật chất, bản chất giới tính, tính chất nhân quả của hành động tạo tác (các tiền thân: Makhàdeva (9), Mayhaka (390), Parantapa (416), Padakusalamànava (432), Kanhadipàyana (444), Takkàriya (481), Suruci (489), Mátanga (497), Kusa (531),...), sự đấu tranh của mỗi cá thể người với những hệ thống sống bao

quanh nó: sự tương tác với tự nhiên như các yếu tố thời tiết, môi trường sống cơ bản, thiên tai địch họa, vấn đề cải tạo và xây dựng không gian lý tưởng (các tiền thân: Uraga (354), Mahà Dhamma-Pàla (447), Kàma (467), Javana-Hamsa (476), Sattigumba (503), Kumbha (512)...) hay tương tác với cộng đồng xã hội xoay quanh các mối quan hệ gia đình: cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cháu (các tiền thân: Kakkata (267), Thusa (338), Culladhammapàla (358), Suvan-namiga (359), Dasanaka (401), Samvara (462), Mahà – Paduma (472), Canda Kinnara (485), Bhallàtiya (504), Campeyya (506), Chaddanta (514),...) và các mối quan hệ ngoài gia đình: cá nhân với người trên, kẻ dưới và bạn hữu, láng giềng (các tiền thân Kutidùsaka (321), Sandhibheda (349), Dhonasàkha (353), Vannàroha (361), Manoja (397), Amba (474), Takkàriya (481), Pandara (518), Ummadanti (527), Samkicca (530),...) .v.v..

Ở tầng triết lý nhân sinh, được kết tinh từ những kinh nghiệm cụ thể trong đời sống, Jataka hướng đến những suy nghiệm về giá trị của đời người. Giúp con người nhận thức được bản chất của đời sống và định vị bản thân, bộ kinh này hướng đến những khái quát đầy tính chiêm nghiệm. Theo tri kiến của bậc Chánh đẳng Chánh giác, dẫn thân vào những bon chen danh lợi không phải là lựa chọn sáng suốt để tìm thấy hạnh phúc của cuộc đời. Bởi lẽ, tất cả những được-mất, thắng-thua mà con người theo đuổi không phải là thứ hạnh phúc chân thật. Những vật ngoài thân ấy có thể mang đến cho người đời những thỏa mãn nhất thời để rồi mau chóng cảm thấy bất toại nguyện vì những ham muốn mới. Sự lựa chọn của đa số người đời chỉ giải quyết được những lợi ích thuộc về lớp ngoài của cuộc sống. Con người nghĩ rằng bằng con đường kiến tạo vật chất họ có thể xây dựng được thiên đàng trên mặt đất. Thế nhưng chúng ta chưa kiểm soát được thế giới nội tâm của mình. Nói như Thera Piyadassi: “Dầu sao, bên trong sự cấu hợp vật chất và tâm linh của con người còn rất nhiều kỳ quan chưa được khai phá, và các nhà bác học sẽ còn mất nhiều năm nữa để nghiên cứu tìm tòi” [3, tr.11].

Mẫu hình lí tưởng mà bậc Đạo sư muốn định hướng cho người đời là hình mẫu của một con người đã vượt lên trên những ràng buộc của

những lợi ích từ lớp ngoài của đời sống để đi vào hạt nhân của hạnh phúc chân thật. Tiên thân Sarabhangā (522) kể vào một thuở xưa vương quốc Ba-la-nại do vua Brahmādatta trị vì. Một ngày nọ, toàn vương quốc xảy ra một điềm lạ là tất cả mọi thứ binh khí bỗng nhiên phát sáng. Đó là vào ngày con trai vị quốc sư ra đời. Cậu bé Jotipa lớn lên dung mạo đẹp đẽ lạ thường và được sự dạy dỗ của một vị danh sư ở thành Takkāsila. Chỉ trong bảy ngày, chàng đã đạt đến tuyệt đích về tài bắn cung và có được một kiến thức quảng bác. Chàng được thầy giao lại tất cả môn đồ và được vua ban cho nhiều bổng lộc để phụng sự triều đình. Những người tài giỏi xung quanh tỏ ra bất mãn vì nghĩ rằng vua đối đãi thiên lệch và trọng dụng một người không có thực tài. Vua cho triệu tập tất cả các tay xạ thủ trong kinh thành để thi tài với Jotipa. Trước đám đông, Jotipa chưa kịp trở tài đã khiến các cung thủ thách đấu khiếp sợ xin chịu thua. Vua ban thưởng 100.000 đồng và phong chức tể tướng nhưng chàng trai từ chối vì đối với chàng tiền bạc và địa vị là những thứ chỉ mang lại đau khổ. Hình mẫu ấy được kết tinh trong hình tượng thái tử Vessantara - đại kiếp cuối cùng của Bồ tát. Vì lòng bi mẫn đối với chúng sinh khắp thế gian, thái tử đã làm một cuộc khước từ vĩ đại, kiên tâm chọn đời sống xuất gia khổ hạnh, bỏ tất cả những gì mình có, từ những hứa hẹn của báu và vương quyền của vua cha Sanjaya ở kinh thành Jettuttara đến cả những con thân và hiền thê. Trải qua bao gian khổ cùng cực về vật chất và tinh thần, cuối cùng vị thái tử đáng kính đã thấp sáng chói lóa ngọn đuốc của chân tâm, đạt được cảnh giới tối cao của hạnh phúc chân thật (tiên thân Vessantara - 547).

Xét trên bình diện tôn giáo, *Jataka* là một tập điển chế huấn dụ Phật pháp. Gắn với mục đích thuyết giáo, cảnh giới và cải huấn người tu học Phật pháp, hầu hết những nội dung và cách thức thực hành giáo lý đều được tích trữ và chuyển tải thông qua những câu chuyện về các kiếp sống của đấng Thế tôn trước khi Ngài thấu đạt chân lý tối thượng.

Tu đạo là một việc khó. Con đường đoạn dục để đạt sự giác ngộ là một hành trình gian nan. Việc tự phủ định bản chất con người tự nhiên (hoặc chí ít là tự cải tạo những đặc tính sinh học và bản năng tự nhiên) để đạt đến khát vọng trở thành con người đạo đức, con người tinh thần lý

tuồng, tuyệt đích cơ hồ là một sự bề cong quy luật của sự sống. Đó là một thái cực cực đoan và tư biện trong bản chất của mọi tôn giáo. Vấn đề mà người tu theo Phật pháp phải đối mặt trước hết là khắc chế rồi đi đến đoạn trừ những tham đắm vật chất. Nói cách khác đó là sự kiềm chế dần đi đến loại trừ nhu cầu vật chất ra khỏi xác thân vật chất bằng cách phát huy những năng lực tinh thần.

Kinh *Bốn sinh* kiến tạo một mô hình triết học phản ánh bản chất và qui luật vận hành phức tạp của giới tự nhiên và đặc biệt là thế giới tâm vật lý bên trong con người. Theo mô hình ấy, sự vận động biến thiên không ngừng dựa trên quan hệ nhân-quả là quy luật bao trùm tất cả mọi hiện tượng. Theo đó, thế giới vật chất chỉ là lớp ngoài, lớp vỏ, thế giới nội tâm con người mới là phần lõi của hạnh phúc chân thực đồng thời cũng là một thế giới đầy thách thức cần được khám phá và chinh phục.

Do tính chất giáo hóa - khả năng tích trữ nội dung giáo dục kinh nghiệm thực tiễn, mặc dù mang nhiều đặc tính và giá trị nghệ thuật, *Jataka* vẫn được xếp vào khu vực điển phạm - một trong ba báu vật của Phật giáo (bộ phận *Kinh tạng* bên cạnh *Luật tạng* và *Luận tạng*).

2. Mạng lưới nhân vật: khả năng quy tụ một hệ thống nhân vật đa dạng và những mối quan hệ nhiều chiều

Jataka huy động một khối lượng truyện kể đồ sộ từ nhiều nguồn khác nhau với một hệ thống nhân vật đa dạng, đủ mọi loài hữu tình từ súc sinh đến con người, từ loài phi nhân các cõi đến chư thiên và các thiên chủ thống lĩnh các tầng trời theo vũ trụ quan Phật giáo. Thông qua những kinh nghiệm thực tiễn, *Bốn sinh kinh* soi rọi các quan hệ đời sống của con người đặt trong sự tham chiếu từ nhiều phạm vi và góc độ khác nhau.

Tri kiến hay sự vận động của ý thức bên trong mỗi cá thể là hạt nhân tạo nên những trạng thái tâm bất toại nguyện – gốc rễ của luân hồi. Nhận thấy sự luyến ái là một trong những nguyên nhân gây ra những những đau đớn và suy kiệt tâm hồn, đấng Thế tôn chỉ ra quy luật sinh diệt của tạo vật, giúp họ lấy lại sự quân bình tâm lý. Một điển chủ quá đau buồn vì cái chết của người con trai. Bạc Đạo sư giảng cho ông nghe bản chất thực sự của vạn vật “cái gì phải tan rã thì tan rã và cái gì bị hủy diệt thì hủy diệt, không có sự vật hiện hữu nào có thể ở mãi trong cùng một hoàn cảnh

được”(5). Rồi Ngài gọi nhắc gương của những bậc hiền trí xưa, khi mất một đứa con, họ không hề khóc lóc đau khổ vì họ hiểu chân lý ấy (tiền thân Uraga - 354). Một lần khác, đức Phật gặp một điền chủ quá buồn khổ vì có cha vừa mới mất. Ngài kể cho người này nghe câu chuyện quá khứ Bồ tát tái sinh làm một nam tử tên là Sujata. Từ khi ông nội mất, cha của Sujata không thiết gì đến công việc, chỉ đắm chìm trong sầu khổ. Hằng ngày, ông ta mang đủ các thứ hoa quả đến bên mộ cha than khóc. Để giúp cha thoát khỏi tình trạng mê muội, Sujata mớm cỏ và nước cho cái xác một con bò nằm bên đường (tiền thân Sujata - 352).

Đức Phật khuyên dụ người đời biết phân biệt trắng-đen, phải-trái, tốt-xấu và luôn thân cận người hiền trí, tránh xa những sự căm dỗ, lôi kéo của kẻ xấu. Để chỉ ra sai lầm của sự dao động niềm tin, không giữ chính kiến của 500 môn đệ mới xuất gia, bậc Đạo sư gọi nhắc trong thời quá khứ rằng những ai chấp chặt tà luận, chấp chặt điên đảo luận, nghĩ rằng cái gì không phải là chỗ quy y, lại xem là chỗ quy y chân thật, những người ấy sẽ bị quỷ Dạ xoa ăn thịt trong cảnh sa mạc, chỗ trú của phi nhân, và bị lâm vào đại nạn. Còn những ai chấp chặt sự thật vô hý luận, chấp chặt pháp tối thượng, chấp chặt pháp không điên đảo, thì trong cảnh sa mạc ấy, họ đạt được yên ổn, an toàn. Sau đó, Ngài kể câu chuyện về hai đoàn lữ hành thương gia có 500 cỗ xe đi buôn qua sa mạc. Người chủ đoàn lữ hành trẻ muốn đi trước để được thuận lợi về nhiều mặt. Họ gặp một đoàn xe khác trang hoàng đầy hoa sen, hoa súng hãy còn lấm bùn, những người trên xe thì vui vẻ, mát mẻ vì đầu tóc và áo quần đầy nước. Nghe những người này bảo phía trước có mưa to và nhiều ao hồ, chủ đoàn lữ hành cho gia nhân đập bỏ tất cả những ghè nước mang theo để đi nhanh hơn. Không ngờ những kẻ lạ mặt kia là bầy Dạ xoa, chúng dùng phép thuật hóa ra những thứ đẹp đẽ, tươi mát để đánh lừa người thương gia trẻ tuổi. Thế là cả đoàn người bị chết khát và làm mỗi cho bọn quỷ giữa sa mạc khô cằn. Đoàn người thứ hai đứng đầu là một thương gia đứng tuổi. Ông quan sát và phân tích những dấu hiệu thời tiết xung quanh không hề có một lô-gic nào phù hợp với những lời nói của bọn quỷ. Giữ nguyên kế hoạch ban đầu, ông cùng đoàn lữ hành bảo vệ những ghè nước mang theo và tiếp tục lên đường.

Thế là bọn Dạ xoa không thể làm hại được họ (tiền thân Apannaka - 1).

Trong các quan hệ đời thường, đáng Thế tôn luôn khuyến giáo người đời sống hòa hợp, không phân biệt đẳng cấp. Triệu phú Cấp Cô Độc có một người bạn thân không có địa vị xã hội. Bị mọi người xung quanh ngăn cản nhưng với chánh kiến, Cấp Cô Độc mời người ấy làm người quản lý gia sản. Nhờ người bạn này mà triệu phú thoát khỏi tai họa bị phá sản. Ông ta trình sự việc với đức Phật và được Ngài giảng huấn rằng sự đo lường tình bạn nằm ở khả năng bảo vệ tình bạn và một người bạn chân thật không bao giờ nhỏ hơn. Rồi ngài gọi nhắc câu chuyện thuở trước bạn bè chân thật đã cứu được cung điện của một thần cây. Trong tiền kiếp, Bồ tát tái sinh làm thần cây của khóm cỏ lau Kusa làm bạn với nữ thần cây mơ ước trong ngực uyển. Theo lệnh vua, một nhóm thợ mộc tìm thấy cây mơ ước có thể thay thế cây cột chống đỡ cung điện bị gãy đổ. Khi đám thợ mộc đến để đốn cây, thần cây cỏ biến thành con tắc kè chui ra chui vào thân cây mơ ước. Nghĩ là thân cây trống rỗng không thể làm cột được nên những người thợ bỏ đi. Nữ thần cây mơ ước khâm phục tài trí của thần cây cỏ lau và rút ra một chân lý về tình bạn: một người bạn khiếm tốn có thể giúp ta thoát khỏi đau khổ và an trú trong hạnh phúc (tiền thân Kusanali - 121).

Đối với cốt nhục, Ngài khuyên người đời kết chặt mối dây thâm thuộc, đừng vì quá tự kỷ mà chia rẽ, bất hòa. Một lần nọ, những người bà con hoàng tộc cãi nhau chỉ vì một cái gối. Bậc Đạo sư chỉ cho họ thấy tác hại của việc sống bất hòa bằng một câu chuyện tiền kiếp. Thuở xưa Bồ tát tái sinh làm một con chim cun cút đầu đàn được vây quanh với hàng ngàn con chim cun cút. Có một người thợ săn mỗi ngày dùng lưới bắt rất nhiều chim bán lấy tiền. Chim đầu đàn bàn với cả bọn hợp sức nhắc bổng lưới lên và hạ xuống một lùm gai rồi thoát thân. Thế là kể từ đó, người thợ săn không bắt được con chim cun cút nào nữa. Một hôm, trong bầy chim xảy ra bất hòa. Bồ tát thấy mối nguy hiểm sắp xảy đến nên dẫn đàn của mình đi nơi khác. Lũ chim kia ở lại, cãi vã quên mất việc cần làm nên cả bọn bị người thợ săn bắt gọn, nhét đầy giỏ mang về nhà (tiền thân Sammodamana - 33). Bậc Đạo sư ngợi ca đức thủy chung, gắn bó trong tình nghĩa vợ chồng.

Có những tình huống, Ngài làm cầu nối để hàn gắn những đôi thay âm lạnh trong đời sống gia đình. Một hôm, hoàng hậu Mallika và vua Ba-tư-nặc có chuyện hục hặc nhau. Nhà vua nổi giận, không muốn nhìn mặt hoàng hậu. Đức Phật biết việc này nên khi đi khát thực ở Ba-la-nại xong, Ngài vào thăm vua. Sau khi dùng cơm, Đức Phật hỏi vua lý do hoàng hậu không đến ăn cùng. Vua bảo đó là do lòng kiêu mạn ngu si của hoàng hậu. Bậc Thế tôn liền gọi nhắc về một tiền kiếp, khi vua còn là một tiên nam, chỉ xa bạn đời một đêm mà thương tiếc suốt bảy trăm năm. Vào một buổi chiều, tiên nữ đi qua bên kia suối để tìm hoa kết cho tiên nam một tràng thật đẹp thì thỉnh linh trời đổ mưa to làm nước dâng lên cao không sao lội qua được. Đêm đó hai người đứng ở hai bên suối chờ đến sáng hôm sau khi nước rút thì tiên nam vội qua suối đưa tiên nữ về. Từ bấy đến nay, mỗi lần nhớ lại việc ấy họ đều cảm thấy u hoài (tiền thân Bhallātiya - 504).

Dù ở bất kỳ vị thế nào trong xã hội và lựa chọn con đường nào để trải nghiệm cuộc sống, bậc Đạo sư cũng khuyến khích người đời lấy hiếu thân làm trọng. Có lần trong hội chúng nổi lên lời bàn tán phản đối việc một tỷ kheo lấy những vật cúng dường cấp dưỡng cho người thế tục. Bậc Đạo sư hỏi vị tỷ kheo người mà ông ta cấp dưỡng là ai thì được trả lời rằng đó là song thân của ông ấy. Ngài tán thán việc làm cao đẹp hợp đạo lý của người ấy và trước hội chúng tỷ kheo, đức Như Lai nêu một tấm gương đã xảy ra trong tiền kiếp của bậc trí nhân xưa ngay khi còn mang thân là loài hạ liệt hằng ngày vẫn tìm thức ăn nuôi nấng cha mẹ của mình. Chuyện kể thuở xưa cứ đến mùa lúa có một đàn chim anh vũ ngày ngày bay đến cánh đồng của điền chủ Kosa kiếm ăn. Riêng chim chúa mỗi lần ăn no lại ngậm một nhánh lúa bay đi. Gia nhân báo lại cho Kosa biết chuyện lạ về con chim ngày nào cũng lấy cắp một nhánh lúa. Điền chủ nhờ anh ta bắt sống chim chúa. Khi nghe chim chúa nói về nguyên nhân lấy cắp lúa mang về nhà để phụng dưỡng cha mẹ, điền chủ rất cảm động. Ông ta cho chim chúa một mảng ruộng lớn để có thức ăn và nuôi cha mẹ già (tiền thân Sàlikedàra - 484). Trong nhiều pháp thoại, đức Phật kể lại những câu chuyện cảm động về lòng hiếu thảo như chuyện về hai anh em khi đầu đàn Nandiya

và Cullnandiya dùng thân mình hứng mũi tên của tên thợ săn hung ác để cứu mẹ (tiền thân Cullanadiya - 222), chuyện về một con bạch tượng khi được chọn làm vương tượng đã tuyệt thực vì không được sống cùng mẹ voi mù (tiền thân số 455 - không tìm thấy tên) hay chuyện chàng Sutana để có thêm tiền phụng dưỡng mẹ già đã đồng ý nhận số tiền thưởng 1000 đồng của vua và đi nạp mạng cho dạ xoa (tiền thân Sutana - 398).

Với nhiệt tâm dẫn dắt người đời sống có đạo đức, đức Phật đã góp phần công sức vĩ đại vào việc xây dựng một thế giới hòa mục mà ở đó con người sống trong sự soi sáng của trí tuệ và tình thương.

Trong mối quan hệ giữa tăng chúng với cư sĩ, bậc Đạo sư thường khuyên các đệ tử luôn hoan hỷ, không vì mong cầu sự bố thí mà để mằm sân hận có điều kiện nảy nở. Có lần, một tỷ kheo đi khát thực đến nhà triệu phú Cấp Cô Độc nhưng không gặp ai đón tiếp liền nổi giận đi đến nhà cư sĩ Visakha. Tại đây, do chưa đến giờ làm việc nên ông cũng không nhận được gì. Ông ta bực bội than phiền rằng hai gia đình ấy không hề có chút thành tín nào. Bậc Đạo sư kể cho ông nghe câu chuyện về nhà tu khổ hạnh trước đây đi khát thực nhưng do chủ nhà đi vắng không nhận được tặng vật dù vậy vẫn hoan hỷ thuyết pháp khi người ấy quay trở về (tiền thân Pitha - 337).

Đặc biệt, trong hội chúng cũng có những tỷ kheo còn mang nặng lòng trần, vẫn giữ thói thường hẹp lượng, hay chấp nhặt của người đời. Nhiều chuyện tiền thân kể về nhóm 6 tỷ kheo còn mang nhiều tà kiến. Họ thường nói xấu những người đồng đạo, gây chia rẽ, bất hòa. Bậc Đạo sư giảng giải rằng lời gièm pha sống như những nhát gươm, nó chặt đứt tình bằng hữu, khoét sâu các cuộc tranh cãi gây ra nhiều thảm cảnh đau buồn. Rồi Ngài kể một câu chuyện tiền kiếp xoay quanh cái chết của 2 mẹ con bò và 2 mẹ con sư tử nguyên nhân là do sự gièm pha, chia rẽ của giả can (tiền thân Sandhibheda - 349). Một lần khác, bậc Đạo sư kể một câu chuyện để cải hóa nhóm 6 tỷ kheo xấu nét hay mắng nhiếc người khác: một nông dân nuôi dưỡng một con bò từ lúc nó còn là con bê. Ông ta yêu quý nó như con và đặt tên là Nandi. Một hôm, vì muốn đền ơn chủ, Nandi bảo với người đàn ông hãy đi cá cược

với vị triệu phú trong làng rằng nó có khả năng kéo nổi 1000 cỗ xe chất đầy hàng. Do vô ý, người nông dân nói lời thiếu từ hòa với con bò khiến nó buồn lòng, không kéo xe làm cho ông ta bị thua 1000 đồng tiền cược (tiền thân Nandivisala - 28).

Trở ngại lớn nhất của người xuất gia đầu Phật là phải đối mặt với những thôi thúc ái tình. Trong nhiều tình huống, các tỷ kheo cần sự khai trí của đấng Giác ngộ để vượt qua mê lực luyến ái. Từ những sa di mới quy y tam bảo cho đến chư tỷ kheo tích lũy được đôi phần giáo pháp và ngay cả các bậc xuất gia đã chứng đạt quả hạnh cao trong chánh pháp, không ai tránh khỏi những phiền lụy do sắc dục gây ra. Một lần, các môn đệ đưa một tỷ kheo thối thất tinh tấn đến gặp đấng Thế tôn. Vị ấy xác nhận mình bị nữ nhân làm cho mê đắm. Bậc Đạo sư huấn dụ ông ta bằng một trường hợp thuở xưa, ngay đến các bậc thanh tịnh còn bị nữ nhân làm cho uế nhiễm. Xưa kia, hoàng tử con vua Ba-la-nại từ nhỏ đã không muốn nhìn mặt nữ nhân. Vua lo lắng không có người nối ngôi nên cho một thị nữ xinh đẹp và giỏi múa hát tìm cách quyến rũ chàng. Quả thực, hoàng tử rơi vào bẫy ái không sao bứt ra được. Vì ghen tuông quá mức, chàng có những hành động làm cho mọi người xung quanh đều cảm thấy ái ngại. Vua nổi giận trực xuất hai người ra ngoài thành. Hoàng tử dựng một túp lều lá sống với cô gái. Một hôm, trong lúc hoàng tử đi vào rừng hái quả, có một nhà tu khổ hạnh từ một hòn đảo đi qua hư không để tìm đồ ăn khát thực, hạ xuống trước chòi lá. Cô gái lấy vẻ kiêu diễm quyến rũ nhà tu, làm cho ông ta mất hết thiền định. Khi hoàng tử trở về, nhà tu đi về phía biển nhưng khi định cất mình bay lên không thì vị ấy bị rơi xuống nước (tiền thân Culla-Palobhana - 263). Tiền thân Culladhanuggaha (374) kể rằng thuở xưa có một thanh niên ở Ba-la-nại hoàn thành xuất sắc các môn học thuật ở Takkasilà nên được mệnh danh là tiểu xạ thủ thông minh. Cảm phục tài năng của học trò, thầy gả con gái xinh đẹp cho chàng. Trên đường về Ba-la-nại, hai người gặp một toán cướp gồm 50 tên. Chàng trai lần lượt bắn hạ 49 tên cướp. Đến tên cuối cùng, do hết tên nên chàng phải giao tranh bằng tay không. Khi đang ở thế thắng, chàng bảo vợ mang gươm đến để mình chặt đầu đối phương. Người vợ bỗng nhiên thấy say mê tướng cướp nên đặt vào tay hắn chuỗi kiếm và đưa chồng vô kiếm. Thế là chàng xạ thủ bị tên

cướp chém rơi đầu.

Đề tài nữ nhân gây phiền lụy lặp đi lặp lại rất nhiều trong các pháp thoại của đức Phật. Những chuyện tương tự có thể tìm thấy ở các tiền thân: Takka (63), Radha (145), Puppharatta (147), Uchitthabhatta (212), Culla-Palobhana (263), Kanavera (318), Sussondi (360), Culladhanuggaha (374), Kharaputta (386), Suvannakakkata (389), Sattubhastha (402), Atthana (425), Samuggu (436), Chaddanta (514), Nalinikà (526),...

Sự cảnh giới cao độ dành cho các đệ tử và những người đồng đạo của bậc Đạo sư, ở một chừng mực nào đó, có thể gây cảm giác về sự phân biệt hay kỳ kỳ về giới. Tuy nhiên, phải thừa nhận đây trước hết là những kinh nghiệm thực tiễn và tri thức khoa học về bản chất tự nhiên của con người. Mặt khác, Bản sinh kinh không thiếu những tấm gương nữ nhân ủng hộ hết mình để xây dựng giáo pháp cũng như đức hạnh vẹn toàn – những mẫu hình người phụ nữ - Phật tử lý tưởng. Mạng lưới nhân vật trong *Chuyện tiền thân đức Phật* và những mối quan hệ nhiều chiều của chúng phác thảo sinh động toàn bộ kinh nghiệm sống của người đời và kinh nghiệm tu hành của các môn đồ Phật giáo. Hệ thống phức hợp này quán chiếu hạt nhân tư tưởng nhân quả-luân hồi, khuyến khích con người quan tâm đến cách sống hơn là lo sợ về sự chết, hướng đến giá trị hạnh phúc bền vững, chân thật hơn là những sự thỏa mãn những nhu cầu nhất thời, giả tạm. Tư tưởng ấy không rơi vào xuất thế hay yếm thế (phản hiện sinh) như nhiều người trong chúng ta vẫn lầm tưởng.

3. Mạng lưới lập luận: khả năng kiến tạo các quan hệ logic và các mũi đột kích tâm lý

Jataka triển khai giáo pháp thông qua nhiều con đường. Một trong những phương pháp mô phạm mà đức Phật áp dụng là phương pháp nêu gương mà bản thân Ngài là một minh chứng sống động nhất – một đại diện toàn mỹ về trí tuệ thù thắng và đức kham nhẫn. Trong các tiền kiếp, đức Phật thường tái sinh làm những người hiền, hội đủ tài trí và giới đức, gánh vác những trọng trách lớn lao, làm chỗ dựa cho nhiều người. Trong các kiếp người, Ngài thường là những bậc minh chủ hay trưởng đoàn như vua Sivala trong tiền thân Mahàsilavà (51), vị võ tướng Nandi xuất chúng trong tiền thân Cullakalinga (301), người chủ

đoàn lữ hành tài trí và quyết đoán trong tiền thân Apanaka (1) hay chàng trai có giới đức cao thượng trong thiên thân Kulāvaka (31).v.v. Bằng giới đức và quyết tâm, vua Sivala chiến đấu với lũ chó sói, khuất phục Dạ xoa và xóa nạn ngoại xâm, thiết lập trị an cho thần dân trong vương quốc Kasi. Chàng Magha, một thanh niên có giới đức, dẫn dắt 30 thanh niên khác làm việc công ích giúp đỡ mọi người. Uy nghiêm của chàng đã giúp tất cả những người anh em trong nhóm thoát khỏi hình phạt voi giày. Kiếp kế tiếp, tái sinh là Đế Thích, người ấy thà hy sinh bản thân, quyết nộp mình cho bọn A-tu-la, không để cho chúng sinh bị sát hại chỉ vì sự trốn chạy cuồng loạn của mình. Trong các kiếp vật, Ngài thường giữ vai trò đầu đàn, dẫn dắt muôn thú sống trong no đủ, hòa bình. Tiền thân Nigrodhamiga (12) kể về sự hy sinh cao cả của nai chúa Nigrodha, sẵn sàng thế chỗ cho một con nai chữa đê nộp mình cho Dạ xoa. Đại hầu vương trong tiền thân Mahākapi (407) đã lấy thân mình bắc cầu cho cả đàn khi vượt sông tránh họa sát thân. Bằng đức hạnh cao đẹp, cá chúa trong tiền thân Maccha (75) xin vua chư thiên Pajuma làm mưa cứu muôn thú trong rừng thoát khỏi nạn hạn hán kéo dài. Trí tuệ sáng chói của chim cun cút đầu đàn đã giúp nhiều con chim cun cút thoát bẫy của người thợ săn (tiền thân Sammodamāna - 33).v.v.. Dù ở vị thế nào, Bồ tát đều đặt sự an nguy và hạnh phúc của muôn loài làm ưu tiên số một, dẫn dắt chúng sinh vượt qua những tai ương bằng trí kiến chói lọi, lòng vị tha tận tâm và quyết tâm sắt đá.

Ngoài ra, đức Phật dẫn dụ nhiều câu chuyện về những tấm gương của đồng môn hay những con người bình thường giữ gìn đức hạnh và có những nghĩa cử cao thượng đáng học hỏi. Đó là những tấm gương sáng về trí tuệ, tinh tấn, đức hạnh, hiếu dưỡng và tận tụy của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, A-nan-da, v.v.. Không những thế, những tấm gương đạo hạnh của người đời như triệu phú Cấp Cô Độc, tín nữ Visakha, hoàng hậu Maya, thái tử La-hầu-la cũng được Ngài tôn vinh. Khi cần, Ngài cũng soi rọi tiền kiếp của chính bản thân đối tượng thụ giáo để cải huấn họ.

Trí tuệ và lòng bi mẫn là hai phẩm chất quý báu mà bậc Đạo sư khuyến khích con người nuôi

dưỡng và phát huy. Mẫu hình lý tưởng của một con người thế tục là người biết trao dồi trí tuệ, tài năng, làm nhiều việc công đức, tôn kính tam bảo. Trong các pháp thoại, đức Như Lai hay viện dẫn những tấm gương giới đức của triệu phú Cấp Cô Độc, tín nữ Visakha cũng như cũng những thiện nam tử hay thiện tín nữ biết quan tâm đến cách sống. Thuở xưa, có một chàng trai được hưởng nhiều của cải từ cha mẹ, cho xây nhiều trường bố thí. Một hôm, thấy có một vị Độc giác Phật đứng trước nhà, anh ta sai người hầu đem bình bát của vị ấy vào nhà lấy thức ăn. Một con quỷ Dạ xoa biến ra một hồ than đỏ rực ngay bậc cửa nhà triệu phú trẻ tuổi. Thế nhưng, người triệu phú với quyết tâm không gì lay chuyển đã cầm bình bát bước đi trên than lửa. Lạ thay, mỗi bước chân của anh ta có một hoa sen đỡ lấy (tiền thân Khadirangara - 40). Tiền thân Suvanamiga (359) kể về tình huống hội chúng tỳ kheo tán thán một nữ cư sĩ đức hạnh thuần thành, tôn kính tam bảo và làm nhiều việc công đức. Nhờ nài mà cả gia đình chồng gần gũi hơn với chư tăng và trở thành những người sống theo giáo pháp của đức Phật, đoạn tuyệt với những quan điểm của ngoại đạo. Trước hội chúng, bậc Đạo sư hoan hỷ kể câu chuyện tiền kiếp về đức hạnh của nữ cư sĩ ấy. Thuở xưa, có một con nai cái xinh đẹp sống cùng chồng là một con nai chúa. Một hôm nai chúa mắc bẫy của thợ săn. Trong khi cả bầy nai bỏ chạy thoát thân thì nai cái ở lại tìm chồng. Nó trấn an nai chúa, chờ người thợ săn đến và xin được thế mạng cho chồng. Rất đổi kinh ngạc trước sự hy sinh của nai cái, người thợ săn tha cho nai chúa. Hai vợ chồng nai cái vui mừng đả tạ ân nhân và đi vào rừng. Nai cái nghĩ về ơn tha mạng của người thợ săn nên đã tặng ông ta một viên ngọc quý. Ngài không chỉ kể về gương sáng mà còn kể về những bài học xương máu của những kẻ có ác hạnh như tỳ kheo Kolalika, Đê-bà-đạt-đa, nhóm tỳ 6 tỳ kheo xấu tính và vô số những môn đệ thối thất tinh tấn, v.v.. Bên cạnh thủ pháp nêu gương là một trong những công cụ tối ưu, Bản sinh kinh còn tác động đến đối tượng thụ giáo bằng cách gợi nhắc những kinh nghiệm xưa cũ của chính bản thân đối tượng hay mở rộng sự liên tưởng đến những nhân vật từng có mối quan hệ với đối tượng trong các tiền kiếp. Ứng với mỗi tình huống cần cải huấn, đức Phật vận dụng uyển chuyển một lô-gích lập luận thích hợp dựa

trên ba khuôn hình tư duy chủ yếu cũng là ba mối quan hệ giữa tình huống hiện tại với câu chuyện quá khứ: quan hệ tương đồng, quan hệ tương phản và quan hệ lựa chọn. Ba loại quan hệ này hỗ ứng với ba kiểu lập luận: hợp đề, phản đề và song đề.

Khoảng 70% cấu trúc tự sự pháp thoại Jataka được kiến tạo theo kiểu lập luận hợp đề. Theo đó, đức Phật dẫn dụ một câu chuyện tiền kiếp có diễn biến sự việc và kết quả tương hợp với tình huống hiện tại. Chẳng hạn, trước một tỷ kheo tham lam vật thực hay tham luyến nữ nhân, bậc Đạo sư sẽ nhắc lại một sự việc quá khứ chỉ vì tham đắm mà nhân vật phải chuốc lấy hậu quả nặng nề. Hoặc khi hội chúng tán thán trí tuệ/giới đức của một người nào đó, đức Phật kể lại một tiền kiếp Ngài được biết về sự sáng chói của đối tượng. Mô thức lập luận này tạo nên hiệu ứng nhấn mạnh, viên nổi chủ đề của tình huống hiện tại (các tiền thân: Vattaka (35), Àràmadùsaka (46), Asankiya (76), Namasiddhi (97), Sujàta (352), Suvannamiga (359), Kummasàpinda (415).v.v.).

Thủ pháp lật ngược vấn đề cũng chiếm một tần số khá cao (khoảng 20%) trong hệ thống pháp thoại Bốn sinh kinh. Hiệu ứng cảnh tỉnh và nêu gương thể hiện rất rõ trong dạng kết cấu này. Câu chuyện đức Phật dẫn dụ có chủ đề trái ngược hoàn toàn với sự việc hiện tại. Đề cải huấn những đệ tử thói tật tinh tấn, đáng Thế tôn nhắc lại một tấm gương vượt mọi gian nan, thử thách để tinh tấn ở tiền kiếp (các tiền thân: Vannupatha số 2, Devadhamma (6), Pāncàyudha (55), Mahàsudassana (95), Culla-Bodhi (443).v.v.).

Khi đứng trước những tình huống cần sự phân tích lợi hại trong việc nhận thức chân lý và lựa chọn cách hành xử, đức Phật đưa ra song đề - lập luận “nước đôi”. Chẳng hạn, đối với việc lựa chọn đối tượng giao tế, Ngài chỉ ra tác hại của việc gần gũi kẻ xấu và lợi ích của việc thân cận người hiền trí. Diễn biến câu chuyện quá khứ có kết cấu sát hợp với hai khía cạnh của vấn đề được bàn luận trong tình huống hiện tại (các tiền thân: Apanaka (1), Lakkhana (11), Nigrodhamiga (12), Sammo-

damàna (33), Sattigumba (503).v.v.).

Ngoài ra, nhằm mục đích giải thích cho chúng tỷ kheo hay người đời biết rõ ngọn nguồn của một điểm giáo pháp/ hiện tượng nào đó, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ nhằm làm sáng tỏ vấn đề. Đây là phương thức giải thích luận đề, không thuộc ba phương thức lập luận nói trên (các tiền thân: Māluta (17), Andabhuta (62), Asàtarùpa (100), Kanha (440).v.v.).

Dù lập luận theo phương thức nào, các pháp thoại luôn bao quát các khía cạnh đời sống thực tế một cách toàn diện và hướng đến các mục tiêu răn ác, khuyến thiện thông qua các định hướng thuyết giáo, cảnh báo, răn đe, ngợi ca, phê phán.v.v...Hầu như mỗi câu chuyện trong Jataka đều đạt mục đích kép: cải huấn người tu đạo và khuyến giáo người đời. Điểm gặp gỡ giữa đạo đức tôn giáo và đạo lý thế tục cho phép Jataka thực hiện chức năng kép ấy một cách toàn mỹ. Người tu tập Phật giáo tiếp nhận từ hệ thống truyện tích này một nguồn năng lượng mới giúp hồi sinh những năng lực tâm bị mai một và phát huy những hạt nhân tri kiến tích cực để tinh tấn. Người đời tiếp thu từ *Jataka* những bài học đạo lý nhân sinh gần gũi, thiết thực để tu chỉnh cách sống. Có thể nói, Jataka được kiến tạo như một thảm dệt phức hợp mà trong đó mỗi câu chuyện rời rạc có thể ví như một sợi dệt. Chúng được sắp đặt, móc nối, phối kết với nhau tạo nên một chỉnh thể chứa đựng những đặc tính và giá trị vừa là sự đóng góp của mỗi đơn vị truyện kể vừa vượt lên trên, ra ngoài những đặc tính và giá trị hạn hẹp của từng thành tố đơn nhất, tạo thành một giá trị mới của toàn kiến trúc Bốn sinh kinh: Một mô hình vận hành của vũ trụ, của các quan hệ đời sống xã hội và sự vận động của các yếu tố cấu thành năng lượng tâm vật lý của con người. Thông qua những trải nghiệm của bậc Toàn giác, con người học tập những phương thức thực hành nhằm vượt qua những lằm lặc của tri kiến để lựa chọn một hành trình cuộc sống khả dĩ tiến đến đích của hạnh phúc chân thật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thích Minh Châu, Trần Phương Lan (dịch): *Chuyện tiền thân đức Phật Thích Ca Mâu Ni – kinh Bốn sanh Jataka* trọn bộ.
- [2] Edgar Morin - Chu Tiên Ánh và Chu Trung Can dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu (2009), *Nhập môn tư duy phức hợp*, NXB Tri Thức.
- [3] Piyadassi, Thera - Phạm Kim Khánh dịch (1995), *Phật giáo một nguồn hạnh phúc*, NXB TP.HCM.